



2024

TUYỂN TẬP BÁO CÁO HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

KHOA HỌC XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

HÀ NỘI - 2024

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

Địa chỉ: Số 8 phố Tăng Bạt Hổ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

ĐT: 024.39423346 - 024.39424620 * Fax: 024.38224784

Website: www.nxbgtvt.vn * Email: nxbgtvt@fpt.vn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN, NỘI DUNG:

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP: Nguyễn Minh Nhật

BIÊN TẬP: Dương Hồng Hạnh

THIẾT KẾ : Phương Linh

In 80 cuốn khổ 20,5 x 29,5cm tại Công ty cổ phần In HD Nhân.

Địa chỉ: Số 1 - Ngõ 82-18 đường Kim Hoàng - Văn Canh - Hoài Đức - Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4044-2024/CXBIPH/1-88/GTVT.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-76-3027-1.

Quyết định xuất bản số: 73 NB/QĐ-XBGT ngày 29 tháng 10 năm 2024.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2024.

LỜI NÓI ĐẦU

Phát triển bền vững là một xu thế tất yếu, là mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc và là Kế hoạch hành động quốc gia của Việt Nam trong giai đoạn tới. Việc phổ biến rộng rãi nhận thức về phát triển bền vững, cung cấp những luận cứ khoa học, chủ trương, chính sách, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, các kế hoạch và sự tham gia của toàn xã hội vào phát triển bền vững là đòi hỏi cấp thiết hiện nay. Trong bối cảnh này, Khoa học Xã hội có một vai trò tất yếu trong toàn bộ tiến trình phát triển bền vững. Ngoài các định hướng chuyên sâu, Khoa học Xã hội còn có sự phát triển mới mang tính liên ngành và ngày càng gắn bó mật thiết với các ngành khoa học khác để tạo ra cơ sở khoa học tổng hợp và đồng bộ cho việc xây dựng các chiến lược, kế hoạch và giải pháp phát triển bền vững. Nắm bắt xu thế đó, từ năm 2020 Trường Đại học Mở - Địa chất đã coi hoạt động nghiên cứu của Khoa học Xã hội gắn với phát triển bền vững thành nhiệm vụ thường xuyên, trong đó các hội thảo chuyên đề về chủ đề này đã được Nhà trường chủ trì tổ chức, thu hút được sự quan tâm của đông đảo các nhà chuyên môn và nhanh chóng trở thành một hội thảo khoa học cấp quốc gia với tiêu đề “Khoa học xã hội với phát triển bền vững”. Tiếp nối thành công của Hội thảo khoa học quốc gia “Khoa học xã hội với phát triển bền vững” năm 2022 (SSSD 2022), năm 2024, Trường Đại học Mở - Địa chất tiếp tục phối hợp với Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Giao thông Vận tải và Trường Đại học Thủy lợi cùng nhiều đơn vị tham gia khác tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia **“Khoa học Xã hội với phát triển bền vững” lần thứ 2 (SSSD 2024)**.

Hội thảo nhằm tạo ra một môi trường bổ ích kết nối các nhà khoa học, các chuyên gia, giảng viên và sinh viên trong và ngoài nước nhằm tăng cường trao đổi tri thức về lý luận và thực tiễn, các kết quả nghiên cứu, nhận dạng xu thế và thách thức mới đối với nghiên cứu và đào tạo khoa học xã hội gắn với sự phát triển bền vững. Đây cũng là dịp để các nhà chuyên môn kết nối, hợp tác trong việc định hướng các chủ đề, đề xuất, xây dựng và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học mới đáp ứng được các yêu cầu phát triển xã hội và hội nhập quốc tế.

Trong quá trình chuẩn bị Hội thảo, Ban Tổ chức đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của các nhà khoa học và chuyên gia đến từ 26 cơ sở giáo dục trên toàn quốc. Hơn 80 dự thảo báo cáo toàn văn của hơn 90 tác giả đã được gửi đến, trong đó 66 báo cáo đã được Hội đồng biên tập lựa chọn để đăng tải trong Tuyển tập Báo cáo Hội thảo khoa học quốc gia **“Khoa học Xã hội với phát triển bền vững” (SSSD 2024)**. Để thuận lợi cho việc tham khảo và tra cứu, Tuyển tập Báo cáo này được tổ chức thành 4 phần, trong đó:

- Phần 1: Những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững
- Phần 2: Kinh tế, môi trường với phát triển bền vững
- Phần 3: Văn hóa, xã hội với phát triển bền vững
- Phần 4: Giáo dục, đào tạo với phát triển bền vững

Ban Tổ chức trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các chuyên gia và giảng viên đã quan tâm, gửi báo cáo và đăng ký tham gia Hội thảo. Trân trọng cảm ơn Ban Khoa học, Ban Biên tập và các nhà khoa học phản biện đã rất nỗ lực trong việc đọc, góp ý, lựa chọn và biên tập các báo cáo để nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu chuyên môn và góp phần vào thành công của Hội thảo này.

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC

GS.TS. Trần Thanh Hải

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	15
1. QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA CÁC TRỤ CỘT TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ SỰ HÀI HÒA GIỮA CÁC TRỤ CỘT TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	
<i>Ngô Văn Hưởng.</i>	17
2. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM HIỆN NAY	
<i>Nguyễn Thế Tấn</i>	24
3. NHẬT BẢN VÀ TRUNG QUỐC TRÊN CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: HƯỚNG ĐI CHO VIỆT NAM	
<i>Trịnh Huy Hồng, Phan Yến Trang</i>	35
4. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM	
<i>Nguyễn Thị Thúy Hà</i>	48
5. BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH BẢO VỆ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỦA VIỆT NAM THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỪ MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG XANH CỦA HÀN QUỐC	
<i>Nguyễn Thị Cẩm Tú</i>	56
6. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC: NHÌN TỪ GÓC ĐỘ QUY LUẬT MÂU THUẤN	
<i>Đặng Thị Minh Phương</i>	65
7. QUAN ĐIỂM CỦA PH. ĂNGGHEN VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI VIỆC HÌNH THÀNH TƯ DUY XANH TRONG PHÁT TRIỂN NGÀY NAY	
<i>Đào Thu Hiền</i>	75
8. VỀ SỰ LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	
<i>Đỗ Thị Vân Hà</i>	82

9. NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT VỀ VAI TRÒ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN

Trần Thị Phúc An 90

PHẦN II: KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 100

10. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG ESG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Hoàng Thị Thủy 101

11. BẢO ĐẢM AN NINH LƯƠNG THỰC: NHỮNG THÁCH THỨC ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Trung Hiếu 109

12. BÀN VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÂM LINH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trần Thị Lan Hương 119

13. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH BIỂN Ở CÁC TỈNH VEN BIỂN MIỀN TRUNG CỦA VIỆT NAM

Dương Thị Tuyết Nhung 127

14. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG GẮN VỚI BẢO TỒN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HOÁ VÙNG TÂY BẮC

Nguyễn Thị Thu Hương 136

15. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI TỈNH VĨNH PHÚC

Nguyễn Thị Kim Chung 145

16. BÀN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

Trần Thị Lan Hương 153

17. XU HƯỚNG THAM GIA LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM

Phí Mạnh Phong. 161

18. THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYÊN ĐỔI SỐ

Đỗ Đức Ánh; Lê Minh Thống; Nguyễn Thanh Thủy 168

19. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP TRONG BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thị Ngọc Anh 177

20. XU HƯỚNG NGHÈO CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM: BẰNG CHỨNG TỪ KHẢO SÁT QUỐC GIA

Phí Mạnh Phong 184

21. VAI TRÒ CỦA NGUỒN NHÂN LỰC AN TOÀN THÔNG TIN TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Hoàng Thị Giang 192

22. NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Vũ Công Thương, Trần Thị Thủy 204

23. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN, DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI DÂN TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguyễn Thị Nguyệt 214

24. NHU CẦU TỐI THIỂU VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG

Lê Quốc Hiệp 222

25. TÍNH TẤT YẾU VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thị Nga 231

26. QUÂN ĐỘI THỰC HIỆN CHỨC NĂNG SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Ngô Văn Dương 241

PHẦN III: VĂN HÓA, XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 251

27. GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Lã Quý Đô 253

28. SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG VỀ VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ngô Văn Hưởng 262

29. XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIỀN TIẾN, ĐẠM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

Trần Thị Mai Thanh 271

30. GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Phạm Thị Thương 280

31. SỨC MẠNH MỀM BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - TIẾP CẬN DƯỚI GÓC ĐỘ VĂN HÓA

Nguyễn Tuấn Dũng 288

32. GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TỈNH AN GIANG (Qua nghiên cứu tám Bảo vật Quốc gia)

Đào Vĩnh Hợp 295

33. BẢO TỒN GIÁ TRỊ LỄ CẤP SẮC CỦA NGƯỜI DAO THANH Y TẠI XÃ THƯỢNG YÊN CÔNG, THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH HIỆN NAY

Nguyễn Thu Thủy 306

34. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÙNG TÂY BẮC HIỆN NAY

Trần Thị Phương Nga 314

35. GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Cao Xuân Sáng 323

36. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY NGUỒN LỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ NHẪM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

Bùi Thị Thùy Dương 333

37. TÁC ĐỘNG CỦA ĐÔ THỊ HÓA ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trịnh Thị Thu Hằng 344

38. BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ
VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Định Thị Thúy Hương, Đào Ngọc Anh 354

39. BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT
NAM HIỆN NAY: NHỮNG THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI

Vũ Thị Mai Lương 362

40. BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Trần Thị Tâm 375

41. THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ Ở TỈNH LÂM
ĐỒNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG QUỐC GIA

Nguyễn Thị Vân Anh 386

42. THỨC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT
TRIỂN BỀN VỮNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Phạm Thanh Thủy 398

43. BÀN VỀ THỰC TRẠNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI ĐỒNG TÍNH,
SONG TÍNH TẠI NƠI LÀM VIỆC Ở KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
VĨNH PHÚC

Nguyễn Thị Mai Hương, Ngô Thái Hà 408

44. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Bùi Thị Thùy Dương 417

45. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CON NGƯỜI - GIÁ TRỊ NHÂN VĂN TRONG DI CHỨC
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Huyền Chi, Thân Thị Giang 428

46. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG NÔNG DÂN THEO TƯ
TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Nguyễn Thị Kim Dung 436

47. QUYỀN CỦA TRẺ EM KHUYẾT TẬT THEO CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VÀ PHÁP
LUẬT VIỆT NAM

Đào Thị Tuyết 445

48. XÂY DỰNG VĂN MINH TRONG CÔNG TÁC LÀM TỪ THIỆN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thị Thu Trà 453

PHẦN IV: GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 463

49. VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Thân Thị Hạnh 465

50. MINH TRIẾT TRONG TÁC PHẨM “SỨC KHỎE VÀ THỂ DỤC” CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Thu Hoài 475

51. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ SỰ KẾT HỢP “ĐỨC TRỊ” VỚI “PHÁP TRỊ” - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Lê Thị Yến 487

52. KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Trần Thị Phúc An 495

53. MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN TRIỆT QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC TRONG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

Đinh Thanh Xuân 507

54. PHÁT HUY VAI TRÒ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Đặng Thị Thanh Trâm 515

55. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC SINH THÁI CHO SINH VIÊN - YẾU TỐ QUAN TRỌNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Phan Thị Hồng Duyên, Lê Thị Ngọc Thùy 523

56. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Xuân Quỳnh 532

57. CHÍNH SÁCH KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Dương Quỳnh Trang 541

58. NÂNG CAO Ý THỨC ĐẤU TRANH, PHÒNG, CHỐNG CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG CHO SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC HIỆN NAY

Nguyễn Đức Khiê 550

59. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Trần Thanh Hanh 558

60. VẠCH TRẦN ÂM MƯU, THỦ ĐOẠN CHỐNG PHÁ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRÊN LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đặng Thị Thanh Trâm 569

61. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ VẤN ĐỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

Đinh Thanh Xuân, Trần Mai Ước, Lưu Đình Vinh 578

62. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC LỰA CHỌN, SỬ DỤNG VÀ BỒI DƯỠNG NHÂN TÀI GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Mai Diệu Anh 590

63. CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA PHÁT TRIỂN VÀ NHỮNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHO VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thanh Thương, Hoàng Thu Trang 600

64. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG NHÂN TÀI TRẺ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Đỗ Quang Huy 609

65. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Nguyễn Tuấn Vương 619

66. RÈN LUYỆN NHÂN CÁCH NGƯỜI CÔNG AN NHÂN DÂN VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Lã Thị Huyền Trang 629

THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Đỗ Đức Ánh^{}; Lê Minh Thống^{**}; Nguyễn Thanh Thủy^{*}*

Tóm tắt: Thương mại điện tử (TMĐT) được coi là phương thức kinh doanh tối ưu, vì nó giúp các doanh nghiệp thích nghi tốt hơn trước những yêu cầu và biến động của thị trường. Tại Việt Nam, ngành TMĐT đã có sự tăng trưởng nhanh chóng, từ quy mô 8,0 tỷ USD năm 2017 đã tăng lên 20,5 tỷ USD năm 2023. Tuy nhiên, trong bối cảnh chuyển đổi số, khi môi trường hoạt động có nhiều thay đổi, ngành TMĐT đã bộc lộ một số những yếu điểm, đặc biệt là sự thiếu hụt về cả số lượng và chất lượng nguồn nhân lực (NNL) phục vụ cho ngành TMĐT. Nguyên nhân của tình trạng này là do hoạt động đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, thiếu sự kết nối của cơ sở đào tạo, doanh nghiệp TMĐT, và bản thân người lao động. Dựa vào các kết quả trên, bài viết đề xuất một số giải pháp để nâng cao chất lượng NNL cho ngành TMĐT, và nền kinh tế Việt Nam phát triển bền vững hơn, trong bối cảnh chuyển đổi số.

Từ khóa: Chuyển đổi số; Nhân lực; Thương mại điện tử; Việt Nam.

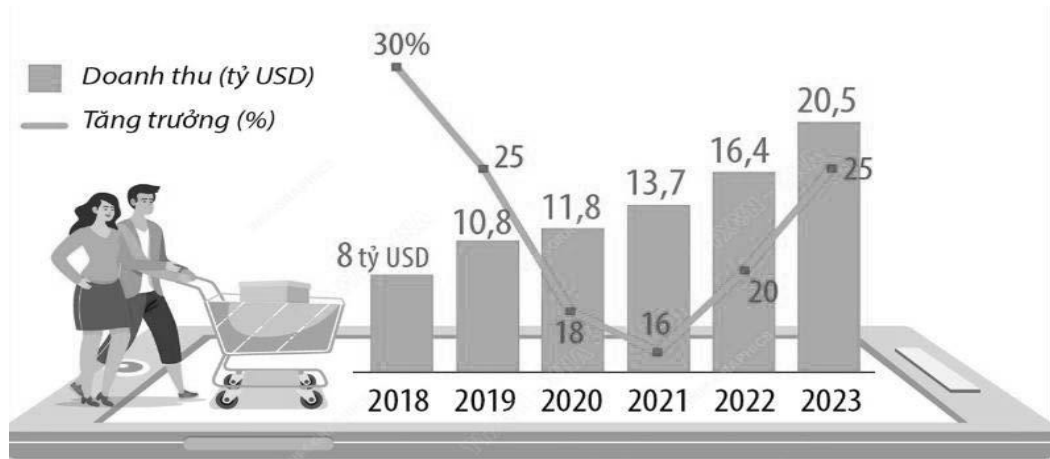
1. MỞ ĐẦU

Sự xuất hiện của thương mại điện tử (TMĐT) là một tất yếu phát triển của thời đại, và là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của xã hội loài người. Hơn thế nữa, TMĐT thúc đẩy tăng trưởng kinh tế rất hiệu quả, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển như Việt Nam [1]. Nó được coi là một vũ khí quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại và bán lẻ. TMĐT giúp các doanh nghiệp có thể tiếp cận và tương tác với khách hàng hiệu quả hơn, thông qua việc sử dụng internet và công nghệ kỹ thuật số [2], [3], [4]. Thêm vào đó, TMĐT cũng giúp các doanh nghiệp dễ dàng mở rộng thị trường, giảm chi phí sản xuất kinh doanh, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng và thị trường, gia tăng lợi thế cạnh tranh; đồng thời giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận và linh hoạt trải nghiệm hoạt động mua sắm, giảm thiểu chi phí tiêu dùng [5], [6], [7]. Tại Việt Nam, nhờ vào cấu trúc dân số trẻ, nhu cầu tiêu thụ cao, tỷ lệ người dân sử dụng internet và thiết bị di động lớn (có khoảng 75% và khoảng 74,8% trong số đó dùng internet tham gia mua sắm trực tuyến), đặc biệt là sau đại dịch Covid-19, ngành TMĐT ở nước ta tăng trưởng nhanh chóng thông qua các sàn TMĐT

^{*} TS. Trường Đại học Mở - Địa chất.

^{**} PGS.TS. Trường Đại học Mở - Địa chất.

lớn nhất phải kể đến như: Shopee, Lazada, Tiki, Sendo, và Tiktok. Trong khu vực, thị trường TMĐT của Việt Nam cũng được coi là một trong những thị trường có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất tại Đông Nam Á [8]. Theo báo cáo của Bộ Công Thương, năm 2023, quy mô thị trường TMĐT bán lẻ của Việt Nam đạt khoảng 20,5 tỷ USD, tăng 25% so với năm 2022 [9] (Hình 1). Vì vậy, TMĐT ngày càng khẳng định là vị thế quan trọng của nền kinh tế số tại Việt Nam [10].



Nguồn: Cục Thương mại điện tử và kinh tế số (Bộ Công Thương)

Hình 1: Doanh thu TMĐT của Việt Nam giai đoạn 2018 – 2023

Bên cạnh những thành tựu nổi bật đã đạt được, ngành TMĐT của Việt Nam cũng đang gặp một số những khó khăn, và bộc lộ một số yếu điểm trong bối cảnh chuyển đổi số như hiện nay, từ đó phát sinh thêm nhiều vấn đề mới cản trở TMĐT phát triển, như hành lang pháp lý, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, an toàn và bảo mật... đặc biệt là tình trạng thiếu nguồn nhân lực (NNL) chất lượng cao phục vụ cho ngành TMĐT phát triển [11]. Mặc dù TMĐT thế giới đã có hơn 30 năm tồn tại và phát triển, nhưng nó chỉ phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam khoảng 10 năm trở lại đây [4]. Thêm vào đó, TMĐT được coi là một lĩnh vực mới, dựa trên những thành tựu của các ngành khoa học: công nghệ thông tin, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật học, marketing. Không những vậy, đây là lĩnh vực có hàm lượng ứng dụng khoa học công nghệ cao và mức độ thay đổi nhanh chóng, đòi hỏi NNL hoạt động trong ngành này phải có kiến thức tổng hợp, ngoài chuyên ngành về thương mại, và công nghệ thông tin, còn có các kiến thức tổng hợp khác. Các kết quả được NNL tạo ra sẽ quyết định đến sự thành bại của doanh nghiệp. Do đó, việc nghiên cứu thực trạng và nguyên nhân của thực trạng NNL trong ngành TMĐT tại Việt Nam có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao. Đây là cơ sở để các tác giả xây dựng các giải pháp, để TMĐT tại Việt Nam phát triển bền vững hơn trong thời gian tới.

2. NỘI DUNG

2.1. Tổng quan các tài liệu nghiên cứu

Chủ đề về thực trạng NNL trong TMĐT, đã được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước tiếp cận theo nhiều khía cạnh khác nhau, điển hình như: Blount et al. [12] đã tìm hiểu về vai trò của NNL trong việc thúc đẩy TMĐT phát triển tại Úc. Bài viết đã chỉ ra rằng, NNL quyết định đến sự tồn tại và phát triển của ngành TMĐT, và chiến lược phát triển NNL là một trong những chìa khóa quan trọng trong việc giữ vững ổn định, và phát triển bền vững cho ngành TMĐT. Thêm vào đó, những hiểu biết của NNL về thanh toán điện tử và kỹ năng công nghệ thông tin là tiền đề để các doanh nghiệp TMĐT ở Úc tạo ra lợi thế cạnh tranh so với phương thức kinh doanh truyền thống. Các tác giả đã đưa ra giải pháp về tăng cường sự liên kết giữa cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp để nâng cao chất lượng NNL cho ngành TMĐT phát triển ổn định hơn. Các nghiên cứu của Pope and Kaur [13] và Shani and Tesone [14] cũng đưa ra gợi ý tương tự sau khi phân tích thực trạng NNL trong ngành TMĐT ở thị trường mà họ nghiên cứu.

Với chủ đề đánh giá vai trò của NNL trong TMĐT, Hallowell [15] đã chỉ ra chất lượng NNL có vai trò lớn hơn so với các yếu tố như: vốn, triết lý kinh doanh, khoa học công nghệ,... trong sự phát triển của TMĐT. Thêm vào đó, chất lượng NNL sẽ quyết định đến chi phí cố định, chất lượng dịch vụ, lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp, và sự hài lòng của khách hàng. Bài viết cũng chỉ ra, kỹ năng công nghệ thông tin (CNTT) của NNL ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động tại các doanh nghiệp TMĐT. Tương tự, nghiên cứu của Decina and Trecordi [16] cũng nhận định, để các giao thức hội thoại thông qua internet hoạt động có hiệu quả trong các giao dịch TMĐT, thì cần phải có sự hỗ trợ từ con người. Còn Lawrence and Tar [2] thì nhận định rằng, sự hạn chế về kỹ năng CNTT và xu hướng thị trường của người lao động là rào cản lớn nhất cho sự thành công của các doanh nghiệp TMĐT, và cản trở sự tăng trưởng của các quốc gia đang phát triển. Do đó, các tác giả đều đề xuất giải pháp bồi dưỡng kỹ năng CNTT và giao dịch điện tử cho NNL, để họ có thêm kỹ năng làm việc, và xử lý hiệu quả hơn các tình huống phát sinh trong hoạt động TMĐT.

Tại Việt Nam, chủ đề này cũng được nhiều nhà quan tâm, ví dụ như: Bài viết năm 2021 của Trần Ngọc Diệp [17] đã chỉ ra, để ngành TMĐT phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế Việt Nam thì cần phải chú trọng đầu tư vào việc nâng cao nhận thức và bồi dưỡng kỹ năng làm việc thực tế cho người lao động ở các doanh nghiệp TMĐT. Đồng thời, cũng cần có các lớp ngắn hạn về tin học và ngoại ngữ cho đội ngũ quản trị ở các doanh nghiệp này. Tương tự, tác giả Đặng Văn Sáng [11] đã chỉ ra giải pháp đào tạo ngắn hạn NNL trong ngành TMĐT chỉ là giải pháp tức thời, để TMĐT phát triển bền vững, thì cần phải mở rộng thêm các

khóa đào tạo chính quy dài hạn, vì lao động trong ngành TMĐT đòi hỏi phải có kiến thức vừa sâu vừa rộng, mới có thể đáp ứng được yêu cầu của thị trường ngày nay. Các nhận định tương tự cũng được xác nhận trong bài viết của Đinh Trường (2022) [18], Lê Phú Khánh (2023) [8] và Lê Thanh Thủy (2022) [19]. Các tác giả này đã đề xuất các giải pháp liên quan đến đào tạo để nâng cao chất lượng NNL cho các doanh nghiệp TMĐT ở Việt Nam trong thời gian tới.

Nhìn chung, vấn đề NNL trong ngành TMĐT đã được nhiều tác giả nghiên cứu, tuy nhiên, mỗi tác giả lại có hướng tiếp cận khác nhau, nên các kết quả được tìm thấy cũng khác nhau.

2.2. Thực trạng nguồn nhân lực ngành TMĐT tại Việt Nam

Theo số liệu thống kê của Cục TMĐT và Kinh tế số (Bộ Công thương), tính đến cuối năm 2022, Việt Nam có khoảng 100 sàn TMĐT xuyên biên giới, 139 đơn vị sở hữu sàn giao dịch TMĐT (trong đó có 98 sàn cung cấp dịch vụ, 41 sàn bán hàng). Thêm vào đó, là sự lấn sân mạnh mẽ của các mạng xã hội: Facebook, Google, Zalo, Youtube, Tiktok, trong các giao dịch trực tuyến, và cung cấp việc làm cho khoảng gần 1,1 triệu lao động. Theo khảo sát của Hiệp hội TMĐT Việt Nam (VECOM) về hoạt động tuyển dụng lao động ngành TMĐT, năm 2023, có tới 72% doanh nghiệp TMĐT tham gia khảo sát cho rằng họ đang ưu tiên tuyển dụng các lao động có kỹ năng hoặc được đào tạo chuyên môn về CNTT và TMĐT, cao hơn so với các năm trước đó (năm 2022 là 69%, năm 2021 là 64%). Cùng với đó là 83% doanh nghiệp có quy mô lớn quan tâm và ưu tiên tuyển dụng những lao động có những kỹ năng này, trong khi chỉ có 67% các doanh nghiệp vừa và nhỏ quan tâm. Tuy nhiên, theo khảo sát của Cục TMĐT và Kinh tế số (Bộ Công Thương), hiện chỉ có 30% nhân lực tại các đơn vị cung cấp giải pháp TMĐT hiện nay được đào tạo chính quy về TMĐT; 70% còn lại được tuyển dụng từ các lĩnh vực thương mại, quản trị kinh doanh, công nghệ thông tin và một số ngành nghề liên quan [9]. Hơn thế nữa, hiện nay, các doanh nghiệp bán lẻ đang chuyển đổi số, chuyển dịch kinh doanh sang lĩnh vực TMĐT ngày càng nhiều, vì vậy ngành TMĐT đang thiếu rất nhiều nhân lực.

Về thực trạng nhân lực ở các doanh nghiệp TMĐT, theo khảo sát của VECOM, các doanh nghiệp được khảo sát cho biết, hiện nay lao động của họ có nhiều ưu điểm như tuổi đời còn trẻ (dưới 35 tuổi chiếm tới hơn 70%), năng động, kỹ năng tư duy tốt, trình độ CNTT tốt, và phản ứng nhanh với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, những lao động này không muốn gắn bó lâu dài với doanh nghiệp, và mức độ trung thành với doanh nghiệp cũng ngắn hơn. Cùng với đó là mức độ chịu được áp lực công việc ở mức trung bình, hiệu quả công việc còn chưa cao. Thêm vào đó, các doanh nghiệp cũng đang gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc tuyển dụng và đào tạo được nhân lực có chất lượng, đảm bảo yêu cầu của công việc. Cụ thể, có tới 46% các

doanh nghiệp được khảo sát chỉ ra rằng, họ gặp khó khăn trong hoạt động tuyển dụng lao động có chất lượng, và NNL hiện tại có nhiều hạn chế về kỹ năng quản trị Website và sàn giao dịch TMĐT; kỹ năng về khai thác và sử dụng các ứng dụng TMĐT; kỹ năng xây dựng kế hoạch dự án TMĐT; kỹ năng quản trị cơ sở dữ liệu; kỹ năng tiếp thị trực tuyến; kỹ năng triển khai thanh toán trực tuyến...

Về khía cạnh phân bố NNL TMĐT tại Việt Nam, theo báo cáo của VECOM [20], hiện nay, NNL này chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn như: Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng, và các khu đô thị lớn, từ đó làm cho tình trạng thiếu lao động TMĐT ở các khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Thêm vào đó, tính đến cuối năm 2023, Việt Nam đã có gần 60 tỉnh thành xây dựng và vận hành sàn TMĐT, tuy nhiên ở nhiều nơi mới chỉ dừng ở mức xây dựng trang thông tin cung cấp thông tin sản phẩm, vì thiếu NNL có chất lượng để vận hành và phát triển. Do đó, dẫn đến tình trạng, các sàn TMĐT ở đây hoạt động không hiệu quả, số giao dịch thấp, sản phẩm nghèo nàn, công nghệ lạc hậu, mức độ cập nhật thông tin sản phẩm còn nhiều hạn chế, thiếu sự hỗ trợ khách hàng.

❖ Đánh giá thực trạng NNL trong ngành TMĐT

- Ưu điểm

- ✓ Nguồn lao động có tuổi đời trẻ;
- ✓ Có kỹ năng về CNTT và kiến thức xã hội tốt;
- ✓ Nguồn lao động ở các ngành nghề gần đa dạng;
- ✓ Có khả năng học tập những kiến thức mới nhanh chóng.

- Nhược điểm

- ✓ Nguồn lao động được đào tạo đúng chuyên ngành TMĐT còn hạn chế;
- ✓ Mức độ dịch chuyển của lao động ngày càng cao;
- ✓ Khả năng thích ứng với thay đổi môi trường kinh doanh còn hạn chế;
- ✓ Những lao động mới ra trường chưa có nhiều kiến thức thực tế.

❖ Nguyên nhân của những tồn tại

Về công tác đào tạo nhân lực cho ngành TMĐT, theo báo cáo của Hiệp hội TMĐT Việt Nam (VECOM), tính đến cuối năm 2023, tại Việt Nam có khoảng trên 500 trường đại học và cao đẳng, nhưng trong đó, chỉ có 36 trường có đào tạo chuyên ngành TMĐT, và trên 50 trường đào tạo học phần TMĐT, và trên 90% sinh viên được đào tạo chuyên ngành TMĐT sau khi tốt nghiệp đều có việc làm. Từ đó có thể thấy rằng, hiện nay nhu cầu về nhân lực TMĐT tại Việt Nam là rất lớn, nhưng quy mô đào tạo chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Bên cạnh đó, các cơ sở đào tạo cũng đang gặp một số khó khăn như: thiếu đội ngũ giảng viên và tài liệu phục vụ cho người học, các chương trình đào tạo chưa có sự phối hợp và hợp tác với các doanh nghiệp trong

ngành TMĐT, hoạt động đào tạo và thực tiễn có khoảng cách lớn,... từ đó, dẫn đến thực trạng sau khi được đào tạo, người lao động chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường...[20]. Hơn thế nữa, hình thức đào tạo nhân lực ngành TMĐT chủ yếu theo đơn đặt hàng chiếm tới 37%, các khóa đào tạo ngắn hạn tập trung chiếm tới 33%, đào tạo chính quy dài hạn chỉ chiếm khoảng 16%, đào tạo trực tuyến chiếm 9%, các hình thức khác chiếm 5% [21]. Đây cũng là 1 trong số các nguyên nhân có ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng NNL TMĐT tại Việt Nam.

Về khía cạnh doanh nghiệp, do mức độ cạnh tranh trong ngành TMĐT ngày càng lớn, do đó, các yêu cầu của doanh nghiệp đối với lao động cũng ngày càng cao, từ trình độ chuyên môn, đến thời gian làm việc dài, từ đó đã tạo ra áp lực đáng kể cho người lao động, và làm gia tăng tỷ lệ lao động bỏ việc.

Dưới góc độ thị trường, trong bối cảnh toàn cầu hóa, và chuyển đổi số quốc gia, thị trường TMĐT của Việt Nam có nhiều biến động, và không tuân theo các quy luật thị trường cũ, từ đó, đã làm phát sinh rất nhiều rào cản đối với các doanh nghiệp và bản thân người lao động. Tuy rằng, thị trường có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng, nhưng cũng đưa ra nhiều thách thức hơn đối với người lao động.

2.3. Thảo luận và giải pháp

Căn cứ vào các phân tích trên có thể thấy được, bên cạnh những mặt tích cực, thì NNL TMĐT tại Việt Nam đang phải đối diện với những thách thức cụ thể như sau: (1) Cơ sở đào tạo, hình thức đào tạo vẫn còn hạn chế về cả số lượng và chất lượng; (2) Trong công tác đào tạo, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp TMĐT; (3) NNL cho ngành TMĐT thiếu cả về số lượng và chất lượng; (4) Sự phân bố NNL TMĐT ở Việt Nam chưa đồng đều; (5) Mức độ cạnh tranh trên thị trường lao động ngày càng cao.

Để nâng cao chất lượng NNL trong ngành TMĐT, bài viết của chúng tôi xin được đề xuất một số giải pháp như sau:

- *Về phía cơ sở đào tạo, và hình thức đào tạo:* (1) Cùng với kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, Chính phủ đã đề ra 2 mục tiêu tới năm 2025: có 50% cơ sở giáo dục đào tạo TMĐT và 1 triệu lượt doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cán bộ quản lý nhà nước, sinh viên, được tham gia các khóa đào tạo kỹ năng ứng dụng TMĐT... Các cơ sở đào tạo, đặc biệt là các Trường đại học, cao đẳng cần phải nhanh chóng nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng, phù hợp với những thay đổi của thời đại, đồng thời đảm bảo sau khi đào tạo, người lao động có đầy đủ các kiến thức liên quan đến TMĐT như: kinh doanh trên mạng Internet, kỹ năng giao dịch TMĐT, quản trị TMĐT, kỹ năng vận hành và an ninh mạng, kỹ năng ứng phó với các sự cố TMĐT,... Cùng với đó, hình thức đào tạo cần chú trọng vào chuyên môn thực hành, có nhiều thời gian thực tập thực tế hơn, thay

vì đặt nặng kiến thức học thuật và hàn lâm; (2) Trong hoạt động hợp tác, các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp TMĐT cần có sự thảo luận, trao đổi, hợp tác và liên kết chặt chẽ hơn nữa về các nội dung đào tạo, hình thức đào tạo... nhằm trang bị cho người học có nhiều thời gian trải nghiệm thực tế hơn; (3) Cuối cùng, các cơ sở đào tạo cần thường xuyên tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát việc làm của sinh viên sau khi ra trường và xu hướng của thị trường lao động, để từ đó có sự điều chỉnh, bổ sung trong chương trình đào tạo. Đồng thời, việc mở rộng quy mô đào tạo cũng phải dựa trên tốc độ tăng trưởng của ngành, và định hướng quốc gia, tránh tình trạng đào tạo tràn lan dẫn đến tình trạng dư thừa lao động TMĐT trong tương lai.

- *Về phía doanh nghiệp:* (1) Các doanh nghiệp TMĐT cần có sự tăng cường hợp tác với các cơ sở đào tạo, từ việc tham vấn, đến xây dựng chương trình đào tạo, đến tuyển dụng đầu ra. Từ đó, sẽ phát huy hiệu quả thế mạnh của các bên, tận dụng được các nguồn lực hiện có, và khắc phục những hạn chế đang tồn tại; (2) Cùng với đó, các doanh nghiệp cần thường xuyên cập nhật, và cử người đi tham gia các khóa huấn luyện về TMĐT ở trong và ngoài nước, giúp ích cho doanh nghiệp linh hoạt hơn trước những thay đổi của thị trường; (3) Cuối cùng, các doanh nghiệp TMĐT cũng cần xây dựng lộ trình cụ thể trong vấn đề hoạt động quản trị NNL.

- *Về phía bản thân người học, người lao động trong ngành TMĐT:* Bản thân họ cũng phải cần tự trang bị các kiến thức chuyên môn về luật, quản trị kinh doanh, công nghệ, kỹ thuật nghiệp vụ thương mại, quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế, quản trị khách hàng trong TMĐT, ngoại ngữ... để đạt được kết quả cao hơn, trong điều kiện môi trường hoạt động luôn luôn thay đổi. Trong quá trình học tập và sinh sống, cần gia tăng trải nghiệm các giao dịch, củng cố kinh nghiệm bằng cách tham gia thực tập, làm việc tại các sàn TMĐT trong và ngoài nước.

- *Kiến nghị với Nhà nước:* Với vai trò và tiềm năng phát triển của ngành TMĐT trong nền kinh tế, Chính phủ Việt Nam cần chú trọng vào một số vấn đề như sau: Một là, xây dựng, tổ chức tập huấn, tuyên truyền nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý Nhà nước về TMĐT, giao dịch điện tử. Đồng thời cung cấp nội dung thông tin kịp thời trên sàn TMĐT, mạng xã hội và internet cho cá nhân, tổ chức; Hai là, tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện cơ chế, chính sách, rà soát, bổ sung, sửa đổi và ban hành mới các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đang hoạt động trong ngành TMĐT; Ba là, tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo, đẩy mạnh đào tạo NNL cho TMĐT. Đồng thời, cần tổ chức nhiều khoá đào tạo ngắn hạn, các lớp tập huấn, các cuộc hội thảo về TMĐT, nhằm phổ biến cho mọi người dân, mọi thành phần kinh tế những kiến thức cơ bản nhất về internet/website và TMĐT; Bốn là, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ cho ngành TMĐT phát triển an toàn, ngăn chặn hiệu quả tình trạng doanh nghiệp bị tấn công vào các website, hay các hành vi buôn lậu, bán hàng giả...

3. KẾT LUẬN

Ngành TMĐT đã và đang cho thấy tầm quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Về khía cạnh nhân lực trong ngành TMĐT, bên cạnh những điểm thuận lợi như sức hút ngành lớn, tiềm năng phát triển nhanh chóng, được sự khuyến khích của Nhà nước, nhưng nguồn lao động chất lượng cao vẫn đang rất hạn chế, nguyên nhân thực trạng đó là do Cơ sở đào tạo và hình thức đào tạo nhân lực cho ngành TMĐT vẫn còn nhiều hạn chế về số lượng và chất lượng; hoạt động tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn; kỹ năng của người lao động vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Dựa trên các kết quả được tìm thấy, các tác giả đã đề xuất một số giải pháp để nâng cao chất lượng nhân lực cho ngành TMĐT trong thời gian tới, đồng thời góp phần thúc đẩy TMĐT phát triển, đóng góp nhiều hơn cho tăng trưởng kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cao Cẩm Linh (2022), Phát triển thương mại điện tử ở nông thôn thông qua mô hình ‘logistics hai chiều, *Tap Chi Tai Chinh*.
- [2] J. E. Lawrence and U. A. Tar, (2010), Barriers to e-commerce in developing countries, *Inf. Soc. Justice J.*, vol. 3, no. 1, Art. no. 1.
- [3] Adel. A. Alyoubi (2015) E-commerce in Developing Countries and how to Develop them during the Introduction of Modern Systems, *Procedia Comput. Sci.*, vol. 65, 479.
- [4] Vũ T. Hương Trà, Hoàng T. Kim Oanh, Nguyễn T. Thúy Hương, and Nguyễn T. Lệ Ninh (2024), Phát triển thương mại điện tử tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp,” *Tap chí Kinh tế và Dự báo*.
- [5] Vũ V. Phú (2022), Bùng nổ thương mại điện tử tại Việt Nam: Những hạn chế cơ bản và giải pháp khắc phục, *Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh An Giang*.
- [6] Hồng Vinh (2022), Kinh tế số, thương mại điện tử là chìa khóa tăng trưởng trong bối cảnh bình thường mới, *Nhịp sống kinh tế Việt Nam & Thế giới*.
- [7] Thanh Xuân (2022), Hà Nội: Đẩy mạnh bán hàng online, qua sàn thương mại điện tử, *Tap chí Công Thương*.
- [8] Lê Phú Khánh (2024), Thực trạng và giải pháp phát triển thương mại điện tử ở Việt Nam, *Tap chí Công Thương*.
- [9] Bộ Công Thương (2024), Báo cáo thương mại điện tử năm 2023 của Việt Nam, *Bộ Công Thương*.

- [10] Bảo Châu (2024), Phát triển ‘nóng’, ngành thương mại điện tử thiếu nhân lực, *Báo Lao động xã hội*.
- [11] Đặng Văn Sáng (2022), Phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử trong bối cảnh kinh tế số, *Tạp chí Công Thương*.
- [12] Y. Blount, T. Castleman, and P. M. C. Swatman (2005), E-Commerce, Human Resource Strategies, and Competitive Advantage: Two Australian Banking Case Studies,” *Int. J. Electron. Commer.*, vol. 9, no. 3, pp. 74–89.
- [13] C. Pope and K. Kaur (2005), Is it human or computer? Defending e-commerce with Captchas,” *IT Prof.*, vol. 7, no. 2, pp. 43–49.
- [14] A. Shani and D. V. Tesone (2010), Have human resource information systems evolved into internal e-commerce?, *Worldw. Hosp. Tour. Themes*, vol. 2, no. 1, pp. 30–48.
- [15] R. Hallowell (2001), “‘Scalability’: the paradox of human resources in e-commerce,” *Int. J. Serv. Ind. Manag.*, vol. 12, no. 1, pp. 34–43.
- [16] M. Decina and V. Trecordi (1999), “Voice over Internet protocol and human-assisted e-commerce,” *IEEE Commun. Mag.*, vol. 37, no. 9, pp. 64–67.
- [17] Trần Ngọc Diệp (2022), Giải pháp phát triển thương mại điện tử nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam, *Tạp chí Công Thương*.
- [18] Đình Trường (2024), Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao cho thương mại điện tử, *Báo Lao động*.
- [19] Lê Thanh Thủy (2022), Phát triển thương mại điện tử trong bối cảnh hiện nay, *Tạp Chí Tài Chính*.
- [20] VECOM (2024), VECOM công bố Báo cáo đào tạo Thương mại điện tử 2023, *Hiệp hội TMĐT Việt Nam*.
- [21] VECOM (2022), Báo cáo Chỉ số Thương mại điện tử Việt Nam 2021, *Hiệp hội TMĐT Việt Nam*.